

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2023/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Võ Thị H, sinh năm 1991

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi ở hiện nay: 102 Jewonra-dong, 14 Yeon-dong, Singwang-ro 6-gil, Jeju-si, Jeju-do, Hàn Quốc. Vắng mặt

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

3. Người tham gia tố tụng khác: Ông Võ Công S (bố đẻ chị H); địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị H và anh Trần Văn L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu,

càng về sau bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Năm 2019, vì điều kiện gia đình nên chị H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là giữa chị H và anh L thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù chị H đã nhiều lần nói chuyện với anh L để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Chị H và anh Trần Văn L đã sống ly thân nhiều năm nay, cả hai bên đã có cuộc sống riêng và không thể chung sống với nhau nữa. Nay, nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L để chị sớm ổn định cuộc sống của bản thân và chăm sóc con cái.

*Về quan hệ con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, chị Võ Thị H và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần B, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Trần P, sinh ngày 04/01/2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với ông bà ngoại. Chị H có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, tuy nhiên do chị H đang ở nước ngoài không thể về nước để trực tiếp nuôi các con nên chị đề nghị Tòa án xem xét giao hai cháu cho ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng thay chị cho đến khi chị về nước để không làm thay đổi môi trường sống, học tập của con bị xáo trộn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Võ Thị H trình bày, do hiện nay chị đang lao động tại Hàn Quốc, do công việc chị không thể về Việt Nam để giải quyết nên chị đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và chị ủy quyền việc giao nhận tài liệu, tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn T; căn cước công dân số 044095009872; địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Q.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao, nhận thông báo thụ lý, thông báo làm việc, các văn bản tố tụng khác và trực tiếp đến nhà anh L để xác minh nhưng anh Trần Văn L từ chối nhận văn bản và không đồng ý làm việc, anh L cho rằng việc chị H muốn ly hôn thì chị tự làm, anh không liên quan. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc, có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương.

- Người tham gia tố tụng khác ông Võ Công S trình bày: Hiện nay chị Võ Thị H đang lao động tại Hàn Quốc, từ khi chị H đi đến nay 2 cháu ở với ông, được ông nuôi dưỡng và chăm sóc tốt nên ông tự nguyện xin được chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, xử:

- Về tình cảm: Xử cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Giao hai con chung Trần B, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Trần P, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, trong thời gian chị H chưa về Việt Nam, ông Võ Công S (bố đẻ chị H) tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị H không yêu cầu nên miễn xét

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét

Về án phí: Buộc chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Võ Thị H hiện đang sinh sống, lao động tại Hàn Quốc có xác nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Tại công văn xuất nhập cảnh số 34883/QLXNC-P3 ngày 25/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an chị Võ Thị H đã xuất cảnh vào ngày 02/01/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị H trình bày vì điều kiện công việc, không thể có mặt trực tiếp để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho anh Nguyễn Văn Tình; căn cước công dân số 044095009872; địa chỉ: Thôn rẫy, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đối với anh Trần Văn L, Tòa án đã tiến hành gửi, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Phiên tòa đã được mở lần thứ hai nhưng anh Trần Văn L vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn L và nguyên đơn chị Võ Thị H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Trần Văn L tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, giữa chị H và anh L không còn tiếng nói chung, không đồng nhất trong cuộc sống hôn nhân. Chị Võ Thị H đề

ngợi giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, anh Trần Văn L mặc dù biết việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng từ chối làm việc với Tòa án, không trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ anh L ý thức bỏ mặc hôn nhân. Mặt khác, hiện nay chị H đang lao động tại Hàn Quốc, do khoảng cách về địa lý nên mâu thuẫn giữa chị H và anh L cũng không thể hóa giải được nên cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị H và anh L không đạt được điều đó. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H xử cho chị Võ Thị H được ly hôn anh Trần Văn L.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Võ Thị H và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần B, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Trần P, sinh ngày 04/01/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị H đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc không thể trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung nhưng từ khi chị H đi lao động nước ngoài đến nay hai cháu ở với bố mẹ đẻ chị H, được ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, hiện nay các cháu đang học tập sinh sống ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H để không làm thay đổi môi trường sống, học tập của các cháu và phù hợp với nguyện vọng các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, các Điều 227, 228, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần B, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Trần P, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Trong thời gian chị H chưa về Việt Nam, ông Võ Công S (bố đẻ chị H) tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam. Anh Trần Văn L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số **0000732 ngày 07/12/2023** của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Thu Hiền**